

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

Ông Lã Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Nam là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Leo Thị H**, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1985.

Nơi thường trú: Thôn C, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân: 024185014564.

(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn N**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân: 024083009647.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-7-2025 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị **Leo Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn N kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 2002. Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, không bảo ban được nhau, thường xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh N, tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Văn P, sinh ngày 04-7-2003 và Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 22-02-2006. Hiện hai con đều trưởng thành, phát triển khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hoàng Văn N: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Leo Thị H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Leo Thị H, bị đơn anh Hoàng Văn N đều vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Leo Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn N.
- Về án phí: Chị Leo Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Leo Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn N. Bị đơn anh Hoàng Văn N hiện đang cư trú tại thôn V, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Leo Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn N được triệu tập lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh N.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Leo Thị H và anh Hoàng Văn N tự nguyện kết hôn, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 04 tháng 12 năm 2002. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống chị H, anh N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh N là có thật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa chị H và anh N. Tuy nhiên chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Leo Thị H và anh Hoàng Văn N đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng chị H, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần cho chị Leo Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

[5] Về con chung: Chị Leo Thị H và anh Hoàng Văn N có hai con chung là Hoàng Văn P, sinh ngày 04-7-2003 và Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 22-02-2006. Hiện hai con đều trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Leo Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Leo Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết ly hôn, nghĩa vụ chịu án phí giữa chị Leo Thị H và anh Hoàng Văn N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;
- Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;
- Điều 6 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Leo Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn N.
2. Về án phí: Chị Leo Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000911 ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác định chị Leo Thị H đã nộp đủ.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Leo Thị H, bị đơn là anh Hoàng Văn N không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Ngọc Minh